

Số: /BC- ĐGS

Tuần Giáo, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022 trên địa bàn huyện Tuần Giáo**

*Thực hiện Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 22/7/2022 của HĐND huyện Tuần Giáo về chương trình giám sát năm 2023; Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện về việc thành lập Đoàn giám sát chuyên đề về thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP) trong 2 năm học: 2020 - 2021 và 2021 - 2022.*

Đoàn giám sát HĐND huyện tiến hành giám sát trực tiếp tại Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT), các trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng được hưởng chính sách thuộc các xã: Ta Ma, Phình Sáng, Rạng Đông, Mường Mùn, Mùn Chung, Pú Xi, Tênh Phong, Mường Khong và giám sát qua báo cáo đối với các trường có học sinh được hưởng chính sách. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

### **I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

#### **1. Năm học 2020-2021**

Toàn huyện có 64 cơ sở giáo dục và 01 Trung tâm GDNN-GDTX trực thuộc huyện, trong đó:

+ Cấp Mầm non: 24 trường với 312 nhóm/lớp và 8.268 học sinh, trong đó: nhà trẻ 90 nhóm/lớp với 2.331 trẻ; mẫu giáo 222 nhóm/lớp với 5.937 trẻ;

+ Cấp Tiểu học: 23 trường với 403 lớp và 10.259 học sinh;

+ Cấp THCS: 17 trường với 181 lớp với 6.134 học sinh;

+ Trung tâm GDNN-GDTX huyện: 03 lớp với 82 học sinh.

Số trường phổ thông thuộc vùng đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ hỗ trợ theo nghị định số 116/2016/NĐ-CP là 37 trường. Trong đó có số trường PTDTBT: 09 (03 trường TH; 02 trường TH&THCS, 04 trường THCS), số học sinh được hưởng chính sách là: 2.304; số trường phổ thông là 28, số học sinh

được hưởng chính sách là: 2.058. Tổng số học sinh các cấp học được hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP là: 4.362 học sinh.

+ Số trường có tổ chức bếp ăn tập thể cho HS bán trú: 23, số học sinh được phục vụ nấu ăn: 3.558/4.362 chiếm 81,6%.

## **2. Năm học 2021-2022**

Toàn huyện có 62 cơ sở giáo dục và 01 Trung tâm GDNN - GDTX trực thuộc huyện. Trong đó:

+ Cấp Mầm non: 24 trường với 34 nhóm/lớp và 8.066 học sinh, trong đó: nhà trẻ 92 nhóm/lớp với 2.356 trẻ; mẫu giáo 213 nhóm/lớp với 5.710 trẻ;

+ Cấp Tiểu học: 21 trường với 405 lớp và 10.408 học sinh;

+ Cấp THCS: 17 trường với 181 lớp với 6.336 học sinh;

+ Trung tâm GDNN - GDTX huyện: 03 lớp với 99 học sinh.

Số trường phổ thông thuộc vùng đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ hỗ trợ theo nghị định số 116/2016/NĐ-CP là 35 trường. Trong đó số trường PTDTBT: 10 (04 trường TH; 02 trường TH&THCS; 04 trường THCS), số học sinh hưởng chính sách: 2.313; Số trường phổ thông có học sinh hưởng chính sách 25, số học sinh hưởng chính sách: 2.148. Tổng số học sinh các cấp học được hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP là: 4.461 học sinh.

+ Số trường có tổ chức bếp ăn tập thể cho học sinh bán trú: 23, số học sinh được phục vụ nấu ăn: 3.689/4.461 chiếm 82,7%.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

UBND huyện đã chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan quán triệt thực hiện nghiêm túc các văn bản, hướng dẫn của trung ương và của tỉnh về chính sách hỗ trợ học sinh và trường PTDTBT ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Căn cứ Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh “*quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Điện Biên*”; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên “*quy định khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ/CP trên địa bàn tỉnh Điện Biên*”. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục, chính quyền các xã xác định địa bàn, thôn bản, khoảng cách giữa nhà trường đến nơi ở của học sinh trên địa bàn để làm cơ sở xét duyệt đối tượng thụ hưởng.

Hằng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, ban hành các văn bản hướng dẫn<sup>1</sup> thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP thống nhất trên địa bàn huyện; chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và nhân dân; chỉ đạo hướng dẫn thực hiện quy trình xét duyệt đến UBND các xã, thị trấn, các trường học trên địa bàn huyện.

## **2. Kết quả thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục xét duyệt chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP**

Các nhà trường đã tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha, mẹ (*hoặc người giám hộ hợp pháp*) và học sinh thuộc đối tượng chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1, hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

UBND huyện quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT, ngày 02/8/2010. Các đơn vị trường thực hiện nghiêm túc việc thu nhận hồ sơ, tổ chức xét duyệt, thông báo công khai và đề nghị cấp trên thẩm định, phê duyệt đối tượng thụ hưởng chế độ theo thẩm quyền, đồng thời xem xét giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, kiến nghị của nhân dân, học sinh.

Chỉ đạo Phòng GD&ĐT thành lập các tổ thẩm định thẩm định theo quy định và tiến hành xem xét danh sách học sinh thụ hưởng đảm bảo chặt chẽ; trên cơ sở kết quả thẩm định, tờ trình của Phòng GD&ĐT, UBND huyện đã ban hành các quyết định phê duyệt số lượng, danh sách học sinh được hưởng chế độ học sinh bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ<sup>2</sup> theo

---

<sup>1</sup> Công văn số 53/CV-PGDĐT ngày 31/8/2017 của Phòng GD&ĐT về việc về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; công văn số 289/PGDĐT-TV ngày 03/01/2018 của Phòng GD&ĐT về hướng dẫn các trường chi trả kinh phí cho nhân viên hợp đồng nấu ăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP; Năm học 2020-2021 ban hành các văn bản: số 890/PGDĐT-CM ngày 22/8/2020 về việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành với học sinh; số 102/ PGDĐT-CM ngày 18/02/2020 về việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành với học sinh đợt II năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022 ban hành các văn bản: số 711/ PGDĐT-CM ngày 09/9/2021 về việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành với học sinh; số 777/ PGDĐT-CM ngày 22/9/2021 về việc thực hiện quy trình thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh; số 114/ PGDĐT-CM ngày 15/02/2022 về việc thực hiện chế độ chính sách hiện hành với học sinh đợt II năm học 2021-2022. Năm học 2020-2021 ban hành các Quyết định: số 368/QĐ-PGDĐT ngày 22/9/2020 về việc thành lập hội đồng thẩm định và xét duyệt học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đợt I, năm học 2020-2021; số 35/QĐ-PGDĐT ngày 05/03/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định và xét duyệt học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đợt II, năm học 2020-2021; Năm học 2021-2022 ban hành các Quyết định: số 124/QĐ-PGDĐT ngày 22/9/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định và xét duyệt học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đợt I, năm học 2021-2022; số 35/QĐ-PGDĐT ngày 10/03/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định và xét duyệt học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đợt II, năm học 2021-2022.

<sup>2</sup> Năm học 2020-2021 UBND huyện ban hành các Quyết định: số 1862/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 Quyết định về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường Tiểu học, Trung học cơ sở năm học 2020-2021; Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 Quyết định về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường Phổ thông dân tộc bán trú năm học 2020-2021; Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 Quyết định về việc phê duyệt bổ sung danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường TH, THCS, PTDTBT năm học 2020-2021;

từng năm học.

### **3. Kết quả thực hiện các chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trong 02 năm học**

#### **3.1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định 116/2016/NĐ-CP**

Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm. Cụ thể được 596.000 đồng/tháng/HS.

Năm học 2020 - 2021 số học sinh được hưởng là 4.362. Tổng kinh phí thực hiện: 21.454.950.000 đồng; năm học 2021 - 2022 số học sinh được hưởng là 4.461. Tổng kinh phí thực hiện: 23.411.774.000 đồng. (có Biểu phụ lục 1 kèm theo).

Các trường tổ chức nấu ăn bán trú tại trường, kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học sinh được nhà trường thỏa thuận với phụ huynh giữ lại để tổ chức nấu ăn; căn cứ vào số bữa ăn thực tế của học sinh, nhà trường tổng hợp thông báo cho phụ huynh; lập sổ theo dõi chấm công ăn đầy đủ, quyết toán hằng tháng, chi trả theo kỳ cho học sinh. Đối với các trường không tổ chức nấu ăn tập trung, thực hiện trả kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học sinh theo tháng hoặc quý tùy từng trường.

#### **3.2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền nhà ở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP**

Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh (mức 149.000 đồng/tháng/HS).

Kinh phí hỗ trợ tiền nhà ở của học sinh được phân bổ cho Phòng GD&ĐT giao cho các trường thực hiện việc chi trả (thường chi trả cùng với kinh phí hỗ trợ tiền ăn) cho học sinh. Số trường có học sinh được hỗ trợ tiền nhà ở 100% là 03 trường (Tiểu học Khong Hin, THCS Quài Nưa, Tiểu học và THCS Nà Sáy). Kết quả thực hiện kinh phí hỗ trợ nhà ở, năm học 2020 - 2021 là: 952.482.000 đồng, năm học 2021 - 2022 là: 586.613.000 đồng.

Qua giám sát cho thấy số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở trên tổng số học sinh là đối tượng hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, hằng năm tỷ lệ giảm hơn 7% (Từ 17,8% năm học 2020 - 2021 xuống còn 10,4% năm học 2021 - 2022).

#### **3.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ gạo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định 116/2016/NĐ-CP Hỗ trợ gạo**

---

Năm học 2021-2022 UBND huyện ban hành các Quyết định: số 2279/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 Quyết định về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường Tiểu học, Trung học cơ sở năm học 2021-2022; Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 Quyết định về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường Phổ thông dân tộc bán trú năm học 2021-2022; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 Quyết định về việc phê duyệt bổ sung danh sách học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 đối với các trường TH,THCS, PTDTBT năm học 2021-2022.

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT ban hành văn bản hướng dẫn các trường trong việc tiếp nhận và cấp phát gạo cho học sinh. Các trường chủ động bố trí kinh phí, phương tiện, nhân lực để bốc xếp, giao nhận gạo, vận chuyển về trường và thực hiện việc cấp phát cho học sinh kịp thời, đúng định mức, đúng đối tượng được hỗ trợ; bảo quản tốt số gạo đã được phụ huynh học sinh đồng ý thỏa thuận để lại nấu ăn cho học sinh.

Thời gian cấp phát gạo hàng năm được chia làm 2 đợt: Học kỳ I vào thời gian tháng 9 đến tháng 11; học kỳ II vào tháng 2 và tháng 3. Sau khi nhận được gạo, nhà trường tổ chức cấp phát trực tiếp cho học sinh theo danh sách lớp, học sinh trực tiếp ký nhận vào danh sách nhận gạo được hỗ trợ. Tổng số gạo đã cấp năm học: 2020 - 2021 là: 573.345kg; năm học 2021 - 2022 là 598.560kg (có biểu Phụ lục 2, 3 kèm theo).

Đối với các trường tổ chức nấu ăn cho học sinh, các đơn vị thỏa thuận với phụ huynh học sinh để thống nhất về số lượng gạo ăn mỗi ngày của từng học sinh, số ngày tổ chức nấu ăn và đề nghị phụ huynh đóng góp số lượng gạo cần thiết để phục vụ nấu ăn tập trung, lập sổ theo dõi chi tiết các bữa ăn hằng ngày, số lượng gạo còn lại được cấp cho học sinh đầy đủ.

#### **3.4. Kết quả thực hiện các chính sách đối với trường PTDTBT và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung theo điểm 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trong 02 năm học**

##### **a. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất**

Việc hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường PTDTBT và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung đã được UBND huyện quan tâm thực hiện nhiều giải pháp chỉ đạo việc mở rộng diện tích khuôn viên các trường, nâng cấp, sửa chữa, tôn tạo cảnh quan theo hướng đạt chuẩn, hiện đại từ các nguồn ngân sách và xã hội hóa giáo dục. Phòng học, các hạng mục công trình được kiên cố, bán kiên cố, xóa dần các phòng tạm, các công trình xuống cấp, hết niên hạn không đáp ứng được yêu cầu.

Đến thời điểm hiện tại có 10 trường PTDTBT với 119 phòng học, trong đó 81 phòng kiên cố, tỉ lệ 69,2%; 36 phòng bán kiên cố, tỉ lệ 30,8%; Đảm bảo cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; 10/10 trường PTDTBT được đầu tư nhà nội trú, nhà bếp, nhà ăn, công trình nước phục vụ học sinh bán trú đảm bảo theo quy định, không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra tại các trường trên địa bàn huyện. Trong năm 2021, 2022 có 06 trường PTDTBT được cải tạo, sửa chữa CSVC phục vụ cho công tác dạy và học, chỗ ăn, chỗ ở, chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh với tổng kinh phí 10.890.278.000 đồng có 13/25 trường phổ thông có học sinh ở bán trú tại trường đều được đầu tư nhà nội trú, nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh, công trình nước phục vụ học sinh bán trú theo quy định.

Trong năm 2021, 2022 có 06 trường phổ thông có học sinh bán trú được cải tạo, sửa chữa CSVC phục vụ cho việc học tập, ăn ở, chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh với tổng kinh phí 13.609.540.000 đồng. (có biểu Phụ lục 4 kèm theo).

*b. Mua sắm bổ sung, sửa chữa dụng cụ phục vụ văn hóa, thể dục, thể thao*

Hằng năm, căn cứ danh sách học sinh được hưởng chế độ bán trú, UBND huyện chỉ đạo Phòng GD&ĐT quan tâm mua sắm bổ sung các trang thiết bị thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho học sinh bán trú đảm bảo theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP; 100% các trường PTDTBT có khu hoạt động vui chơi riêng và được trang bị các thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao cho học sinh ở nội trú.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các đơn vị, các trường PTDTBT lập tờ trình đăng ký mua sắm bổ sung dụng cụ thể thao cho học sinh bán trú đảm bảo đúng định mức được hưởng của học sinh. Cụ thể:

- + Tổng số kinh phí mua sắm dụng cụ thể thao năm 2020-2021: 212.300.000 đồng;
- + Tổng số kinh phí mua sắm dụng cụ thể thao năm 2021-2022: 230.855.000 đồng.

Đối với các trường phổ thông có học sinh ở bán trú cũng được quan tâm mua bổ sung, sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao, nhạc cụ, ti vi,... đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao. Tổng số kinh phí mua sắm dụng cụ thể thao năm 2021 - 2022: 149.980.000 đồng.

*c. Kinh phí lập tủ thuốc dùng chung cho khu bán trú*

Việc xây dựng tủ thuốc dùng chung và lập dự toán, thanh quyết toán được các đơn vị thực hiện đúng quy định, hiệu quả. Kết quả giám sát 10/10 trường PTDTBT có tủ thuốc riêng, các loại thuốc trong tủ cơ bản là các loại thuốc thông thường, với cơ số thuốc đủ đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chữa bệnh ban đầu, việc rà soát số lượng và thời hạn sử dụng thuốc được các trường thực hiện thường xuyên, mua sắm bổ sung kịp thời. Kinh phí lập tủ thuốc từ ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

- + Tổng số kinh phí lập tủ thuốc năm 2020-2021: 106.150.000 đồng;
- + Tổng số kinh phí lập tủ thuốc năm 2021-2022: 121.257.000 đồng.

Đối với các trường có tổ chức nấu ăn tập trung đều được cấp kinh phí thực hiện lập tủ thuốc dùng chung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP với tổng số tiền hỗ trợ: 70.113.000đồng. 100% các đơn vị có phòng y tế, 13/13 đơn vị có học sinh bán trú tại trường lập tủ thuốc dùng chung khu bán trú. Kinh phí lập tủ thuốc trích từ nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu của bảo hiểm xã hội và một phần từ ngân sách nhà nước.

*d. Việc thực hiện mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn tập trung cho học sinh tại các trường tổ chức nấu ăn cho học sinh*

Căn cứ Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND. UBND huyện chỉ đạo Phòng GD&ĐT căn cứ vào số lượng học sinh bán trú các trường PTDTBT, các trường phổ thông có học sinh bán trú ở tại trường và tổ chức nấu ăn tập trung cho đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP đều được khoán kinh phí để chi trả chế độ cho nhân viên hợp đồng nấu ăn theo định mức khoán kinh phí tối thiểu bằng 135% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định

mức (mức khoán tương ứng 2.011.500 đồng/định mức); mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức /01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học. Các trường đều thực hiện hết định mức để chi trả cho nhân viên nấu ăn theo tỷ lệ (trường được 03 định mức thuê 02 nhân viên, được 05 định mức thuê 03 nhân viên nấu ăn).

Tổng kinh phí hỗ trợ mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn các trường PTDTBT:

+ Năm 2020-2021 là: 737.216.000 đồng;

+ Năm 2021-2022 là: 810.746.500 đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn các trường phổ thông tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh:

+ Năm 2020-2021: 572.245.000 đồng;

+ Năm 2021-2022: 610.824.500 đồng.

#### **4. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí**

Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, thu chi ngân sách<sup>3</sup> tổng hợp kinh phí thực hiện chi trả chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ, UBND huyện giao kinh phí cho Phòng GD&ĐT thực hiện hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ<sup>4</sup>. Chỉ đạo Phòng GD&ĐT phân bổ kinh phí cho các trường để thực hiện kịp thời chế độ chính sách cho học sinh cụ thể:

- Năm 2020: Kinh phí giao đầu năm 24.155.000.000 đồng, bổ sung kinh phí trong năm: 4.556.000.000 đồng. Tổng kinh phí phân bổ hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP: 28.711.000.000 đồng; Kinh phí điều chỉnh giảm dự toán ngân sách trong năm: 4.248.357.000 đồng<sup>5</sup>. Tổng kinh phí quyết toán hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP: 24.462.643.000 đồng.

<sup>3</sup> Các Văn bản: số 42/CV-TCKH ngày 25/6/2019 Về việc xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2020; Công văn số 30/CV-TCKH ngày 02/7/2020 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện Tuần Giáo Về việc xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2021; số 32/CV-TCKH ngày 26/5/2021 Về việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

<sup>4</sup> Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Tuần Giáo về việc về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Tuần Giáo về việc về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Tuần Giáo về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện chính sách quy định tại nghị định số 116/2016/NĐ-CP và chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20/2021/NĐ-CP; Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Tuần Giáo về việc về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

<sup>5</sup> Giảm dự toán do hết nhiệm vụ chi theo Quyết định số 422/QĐ-PGDĐT ngày 07/12/2020 của Phòng GD&ĐT về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSGD để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh năm 2019, năm 2020; Quyết định số 438/QĐ-PGDĐT ngày 24/12/2020 và Quyết định số 438a/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2020 của Phòng GD&ĐT về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSGD năm 2020.

- Năm 2021: Tổng kinh phí giao đầu năm: 22.752.000.000 đồng; bổ sung, điều chỉnh tăng dự toán trong năm: 1.813.861.000đ. Tổng kinh phí phân bổ hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP là: 24.565.861.000 đồng. Tổng kinh phí quyết toán là: 24.565.861.000 đồng.

- Năm 2022: Kinh phí giao đầu năm: 26.743.000.000 đồng; kinh phí điều chỉnh giảm trong năm: 268.698.250 đồng<sup>6</sup>. Tổng kinh phí phân bổ hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP là: 26.474.301.750 đồng. Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/NĐ-CP: 26.474.301.750 đồng.

Hàng năm, chỉ đạo Phòng GD&ĐT Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức kiểm tra, thẩm định quyết toán ngân sách đối với tất cả các trường, trong đó đặc biệt quan tâm đến kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP..

Việc chấp hành và quyết toán kinh phí theo đúng thời gian niên độ ngân sách, đúng quy định của từng chế độ và đối tượng thụ hưởng. Công tác quyết toán được thực hiện theo các chu trình về quyết toán ngân sách.

#### **5. Công tác báo cáo kết quả thực hiện chính sách theo định kì, hàng năm**

Chỉ đạo Phòng GD&ĐT tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện ngân sách gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp báo cáo Sở Tài chính theo Luật ngân sách. Công tác báo cáo được thực hiện theo định kỳ, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

#### **6. Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các đơn vị trường học có học sinh hưởng chính sách**

Công tác kiểm tra đã được UBND huyện giao Phòng GD&ĐT thực hiện theo kế hoạch công tác hàng năm, việc kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trường học có học sinh thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP được thực hiện thường xuyên. Hàng quý, các trường thực hiện đối chiếu, báo cáo về Phòng GD&ĐT theo dõi tình hình sử dụng ngân sách chi trả chế độ chính sách tại các trường. Cuối năm hành chính, chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, lưu giữ thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách của các trường. Qua thẩm định, tất cả các trường đều chi trả đúng đối tượng, kịp thời các chế độ chính sách của học sinh.

Căn cứ vào tình hình thực tế, UBND huyện chỉ đạo Phòng GD&ĐT thành lập các đoàn kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo của Hiệu trưởng các trường trong đó có nội dung về chi trả các chính sách hỗ trợ đối với học sinh. Qua kiểm tra đã kịp thời chỉ đạo các trường khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với việc thực hiện chính sách. Trong 02 năm học có 01 cuộc thanh tra chuyên đề về thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đối với trường PTDTBT THCS Phình Sáng; Đoàn thanh tra kết luận nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông theo đúng quy định tại Nghị định.

---

<sup>6</sup> Do hết nhiệm vụ chi theo Quyết định số 153/QĐ-PGDĐT ngày 01/11/2022 của Phòng GD&ĐT về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán các chế độ học sinh năm 2022.

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP huyện xây dựng kế hoạch, kiểm tra 100% các bếp ăn tập thể thuộc phân cấp tuyến huyện quản lý. Qua kiểm tra 100% các bếp ăn tập thể thực hiện đảm bảo các quy định về VSATTP, có đầy đủ hồ sơ theo quy định, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tại đơn vị.

Trên địa bàn huyện trong giai đoạn giám sát không có đơn thư, khiếu nại tố cáo liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Trong những năm qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND đã được UBND huyện chỉ đạo triển khai kịp thời, đồng bộ có hiệu quả. Quá trình rà soát, tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm đảm bảo theo quy trình, trình tự hướng dẫn của các cấp, ngành GD&ĐT, tổ chức niêm yết công khai kết quả xét, danh sách học sinh được hưởng chế độ theo quy định.

- Năm học 2020-2021, 2021-2022 có 8.823 lượt học sinh được hưởng chế độ bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP. Nhờ chính sách hỗ trợ đã tháo gỡ được những khó khăn của nhà trường tạo điều kiện cho con em các gia đình ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn được đến trường. Từ đó, góp phần tăng tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao tỷ lệ học sinh chuyên cần, duy trì bền vững các tiêu chí phổ cập giáo dục, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho người dân, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của huyện.

- Việc đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, tủ thuốc dùng chung cho học sinh bán trú hàng năm được thực hiện đảm bảo đúng định mức; các chính sách đặc thù đối với các trường PTDTBT được thực hiện theo đúng quy định hiện hành; kinh phí chi trả chế độ chính sách được UBND huyện bố trí đầy đủ, kịp thời.

- Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh; việc tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, giáo dục truyền thống, văn nghệ thể dục thể thao,... được tổ chức thường xuyên. Các chế độ chính sách đối với học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP được thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Công tác kiểm tra, quyết toán việc thực hiện các chế độ chính sách học sinh được quan tâm thực hiện hàng năm.

#### **2. Những tồn tại hạn chế, nguyên nhân**

##### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Việc thu nhận, tổng hợp danh sách học sinh ở một số đơn vị nhà trường còn chậm, chưa chặt chẽ, triệt để làm ảnh hưởng đến thời gian ban hành quyết

định phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, trong năm còn phải điều chỉnh bổ sung làm ảnh hưởng đến quyền lợi và điều kiện học tập của học sinh; hồ sơ xét duyệt chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ở một số đơn vị chưa thật sự chặt chẽ, khoa học, có trường lập chung với một số chính sách khác.

- Việc thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ (*tiền ăn, tiền nhà ở*) cho học sinh tại một số trường được thực hiện một lần trong một học kỳ (*thường là cuối học kỳ*) chưa đảm bảo theo quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đã ảnh hưởng phần nào đến việc chăm sóc học sinh bán trú. Hồ sơ quản lý ăn bán trú của một số trường chưa khoa học, chưa chặt chẽ.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; một số trường có học sinh bán trú còn phải ở trọ ngoài nhà trường, khó khăn cho công tác quản lý, giáo dục của nhà trường. Nhiều bếp ăn tập thể chưa đáp ứng được yêu cầu về diện tích, thiết kế, kết cấu khu vực chế biến và nhà ăn, hệ thống thông gió. Một số trường được đầu tư cơ sở vật chất (*phòng học, phòng học chức năng, phòng nội trú..*) từ những giai đoạn trước nên quy mô và diện tích không đảm bảo theo quy định.

- Công tác tự kiểm tra chứng từ của chủ tài khoản một số trường có lúc, có nội dung chưa chặt chẽ.

## **2.2. Nguyên nhân**

### *a. Nguyên nhân khách quan*

- Ngân sách địa phương còn hạn hẹp, chưa đảm bảo việc đầu tư trang thiết bị, xây dựng cải tạo cơ sở vật chất chưa đồng bộ đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành, gây khó khăn cho việc chăm sóc học sinh bán trú, nấu ăn tập trung cho học sinh. Tỷ lệ học sinh/lớp hàng năm tăng dẫn tới các phòng học được xây dựng từ những giai đoạn trước diện tích không đảm bảo theo quy định, chưa đáp ứng đòi hỏi mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Các nhà giáo công tác ở một số trường vùng kinh tế đặc biệt khó khăn số học sinh ở bán trú đông nhưng không được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trong khi vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ quản lý và giáo dục học sinh ở bán trú (*do tỉ lệ học sinh ở bán trú chưa đạt quy định để thành lập trường PTDTBT*).

- Giá cả thị trường tăng, mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn thấp chưa phù hợp với điều kiện thực tế, gây khó khăn cho các trường trong việc thuê nhân viên nấu ăn cho học sinh bán trú.

- Trên địa bàn huyện có một số xã nằm trên địa hình núi đá vôi, ảnh hưởng của hiện tượng caster nên không có nguồn nước vào mùa hanh khô.

### *b. Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn về việc thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP còn thực hiện lỏng lẻo; số cuộc thanh tra chuyên đề còn hạn chế (*01 cuộc tại trường PTDTBT THCS Phình Sáng*).

- Một số trường viên chức kế toán chưa chủ động trong việc phối hợp báo cáo những khó khăn vướng mắc trong việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ; một số kế toán còn phải làm làm việc kiêm nhiệm tại 02 trường, khối lượng công việc nhiều, khó khăn trong việc hoàn thiện hồ sơ ăn bán trú theo ngày.

- Một số địa phương chưa phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý địa bàn sinh sống của người dân khi chuyển hộ khẩu về khu vực được hưởng chế độ trong khi không thường trú tại nơi đăng ký hộ khẩu.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với UBND huyện**

1.1. Căn cứ các quy định của Trung ương, của tỉnh, chủ động ban hành hướng dẫn các đơn vị lập dự toán đảm bảo đầy đủ, đúng đối tượng, đúng nhiệm vụ chi, nội dung chi, mức chi, tránh bỏ sót đối tượng, bỏ sót chính sách cho các đối tượng, đảm bảo lập dự toán, thanh quyết toán và chi trả chế độ đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng quy định.

1.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát các trường hợp hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đảm bảo đúng quy định, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các biểu hiện trục lợi chính sách.

1.3. Tăng cường công tác huy động các nguồn lực xã hội, kết hợp các chương trình, đề án trên địa bàn huyện thực hiện đầu tư cơ sở vật chất cho các trường đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài.

1.4. Chỉ đạo Phòng Giáo dục & Đào tạo, các trường trực thuộc, hội đồng xét duyệt học sinh bán trú hàng năm khẩn trương thực hiện các khâu, kịp thời xét duyệt và trình danh sách học sinh kịp thời, chính xác, khoa học.

### **2. Đối với HĐND và UBND tỉnh**

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tuần Giáo giai đoạn 2021-2025 sẽ có 9/18 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới. Nhiều trường PTDTBT và học sinh tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới sẽ không được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, do đó ảnh hưởng đến công tác huy động số lượng học sinh, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần và nâng cao chất lượng giáo dục. Đề nghị HĐND tỉnh ban hành các chính sách đặc thù để hỗ trợ các trường PTDTBT, học sinh bán trú tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới để giảm bớt khó khăn cho nhà trường, học sinh.

### **3. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương**

3.1. Giao bổ sung biên chế, đặc biệt là phân bổ nguồn bổ sung giáo viên theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị giai đoạn 2022-2026 cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trong đó có huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

3.2. Đề nghị Chính phủ điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở, khoản kinh phí nấu ăn tập trung vì mức hỗ trợ như hiện nay thấp chưa đảm bảo cho việc ăn, ở của học sinh và người phục vụ; có chế độ quản trú đối với giáo viên tại các trường phổ thông có học sinh ở bán trú nhưng không phải là trường PTDTBT. Kéo dài thời gian được hưởng chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh tại các xã đặc biệt khó khăn mới được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3.3. Xây dựng đề án kiên cố hóa trường, lớp học tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 đã nêu tại nhiệm vụ thứ tư của Nghị quyết số 96/QĐ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KTXH và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát tình hình triển khai, thực hiện Nghị định 116/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ trên địa bàn huyện năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 của HĐND huyện Tuần Giáo./.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy;
- LĐ UBND huyện;
- Đoàn giám sát HĐND;
- Phòng GD&ĐT;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- TT GDNN-GDTX huyện;
- Các trường trực thuộc huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
KT. TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**

**Trần Bình Trọng**